**NGỘ ĐỘC CÁC HÓA CHẤT DIỆT CHUỘT LOẠI WARFARIN**

**I. Đại Cương**

Warfrin và các chất diệt chuột loại chống đông liên quan gây ức chế tổng hợp các yếu tố đông máu cần đến vitamin K tại gan. Tác dụng chống đông xuất hiện sau 2 -3 ngày. Các chất chống đông tác dụng kéo dài (brodifacoum, bromodilone, courmatetralyl, defenacoum) gây rối loạn đông máu kéo dài hàng tuần đến hàng tháng.

Liều uống thông thường (10 - 20 mg) trong 1 lần không gây ngộ độc cấp nghiêm trọng. Ngược lại, dùng kéo dài Warfrin với liều thấp (2mg/ ngày) có thể gây rối loạn đông máu hoặc chảy máu. Liều tử vong thấp nhất được báo cáo do Warfrin là 6,667 mg/kg.

**II. Chẩn Đoán**

**2.1 Chẩn Đoán Xác Định**

**2.1.1 Hỏi Bệnh:**

- Khai thác bệnh sử, vật chứng: tên thuốc, dạng thuốc (ARS Rat Killer, Rat - K, di-courmarin, courmarin... đóng gói dạng bột hoặc dạng viên), số lượng uống, thời gian, thời gian sau uống đến tuyến cơ sở, xử trí tại tuyến cơ sở.

- Yêu cầu mang thuốc, vỏ thuốc đến.

**2.1.2 Lâm Sàng**: nổi bật là tình trạng xuất huyết biểu hiện sau 2 - 3 ngày trở đi.

- 1-2 ngày đầu bệnh nhân (BN) không có triệu chứng lâm sàng.

- Xuất huyết ở các mức độc khác nhau: chảy máu chân răng, chảy máu cam, chảy máu dưới kết mạc mắt, chảy máu não, tụ máu trong cơ.

- Rối loạn đông máu gây chảy máu xuất hiện sớm nhất sau 18- 12 giờ nhưng thông thường sau 2-3 ngày.

- Các triệu chứng khác có thể gặp: ý thức lơ mơ, đau đầu, rối loạn điều hoà vận động, đau bụng, buồn nôn. Nặng hơn có thể gặp tiêu vân cơ, suy hô hấp, co giật, hôn mê.

**2.1.3 Cận Lâm Sàng**

- Xét nghiệm đông máu: giảm các yếu tố II, VII, IX và X -> giảm PT% và kéo dài INR (nguy cơ chảy máu cao nếu IRN > 5).

- Các xét nghiệm khác: công thức máu, nhóm máu và chéo máu đề phòng khi chảy máu ồ ạt do rối loạn đông máu để truyền máu.

- Sinh hóa máu: tăng AST, ALT, BUN, creatinin, CK.

- Các xét nghiệm khác tùy theo tình trạng BN.

**2.2 Chẩn Đoán Phân Biệt**

- Ngộ độc các loại thuốc diệt chuột khác:

+ Nhóm phosphua kẽm: tổn thương đa cơ quan, ban đầu đau bụng, nôn, tiêu chảy xuất hiện sớm, toan chuyển hóa, rối loạn nhịp tim, phù phổi cấp, tiêu cơ vân - suy thận, viêm gan cấp, xét nghiệm đông máu bình thường.

+ Nhóm fluoroacetate: rối loạn nhịp tim, suy tim cấp, tăng trương lực cơ, co giật, xét nghiệm đông máu bình thường.

- Bệnh máu, suy gan: không có tiền sử ngộ độc cấp, triệu chứng bệnh lí, toàn thân khác.

**2.3 Chẩn Đoán Biến Chứng:** chảy máu các tạng: phổi, tiêu hóa, tiết niệu, ổ bụng, thần kinh trung ương...

**III. Điều Trị:**

- Ổn định chức năng sống: hô hấp, tuần hoàn, đặc biệt chú ý các trường hợp chảy máu não có rối loạn ý thức, huyết động.

- Các biện pháp ngăn ngừa hấp thụ:

+ Rửa dạ dày thải độc nếu cần thiết và số lượng thuốc uống nhiều, đến sớm.

+ Than hoạt: liều 1g/kg kèm sorbitol có thể nhắc lại sau 2 giờ nếu BN uống số lượng nhiều, đến sớm.

- Các biện pháp thải trừ chất độc: chưa có biện pháp nào hiệu quả với loại ngộ độc này.

- Điều trị antidote (chất giải độc đặc hiệu):

+ Vitamin K1: khi có rối loạn đông máu rõ:

• Cách dùng: trẻ em tối thiểu 0.25mg/kg, người lớn tối thiểu 20mg/lần, 3 - 4 lần/ngày. Duy trì 10 - 100mg/kg, chia 3 - 4 lần đến khi INR về bình thường.

Nhẹ có thể uống, nặng hơn cho tiêm tĩnh mạch.

• Theo dõi: xét nghiệm INR mỗi 12 - 24 giờ.

• Không dùng vitamin K1 để điều trị dự phòng khi chưa có rối loạn đông máu

+ Huyết tương tươi đông lạnh: khi có rối loạn đông máu PT < 40%, có chảy máu gây mất máu nặng.

**IV. Phòng Bệnh:**

Giáo dục ý thức sử dụng và bảo quản hóa chất diệt chuột an toàn, hợp lí.